

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 71/2025/DS-ST

Ngày: 12-6-2025

V/v tranh chấp “Hợp đồng thuê tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Vân Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Công Minh.
2. Ông Nguyễn Văn Y.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 563/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản; hợp đồng thuê tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH M; Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang; Đại diện theo pháp luật: 1. Ông Nguyễn Văn H. Chức vụ: giám đốc; 2. Ông Nguyễn Trọng N. Chức vụ: Phó Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Nguyễn Kiều K, sinh năm 2000; Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- Bị đơn: Bà Lê Thị Kiều O, sinh năm 2000; Địa chỉ: Tổ E, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản khai và quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Nguyễn Kiều K trình bày: Ngày 18/02/2024, bà Lê Thị Kiều O có bán cho Công ty TNHH M (gọi tắt là Công ty M) một chiếc xe mô tô loại 2 bánh, nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ nâu, biển số 63B3-963.05 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy mang tên Lê Thị Kiều O với giá tiền 10.000.000 đồng. Khi mua bán hai bên có lập hợp đồng mua bán xe đề ngày 18/02/2024, Công ty đã giao đủ số tiền 10.000.000 đồng cho bà O. Công ty vừa mua bán và cho thuê xe nên khách hàng có nhu cầu thì Công ty sẽ cho thuê lại xe. Để phục vụ nhu cầu đi lại nên cùng ngày 18/02/2024 bà O đã ký hợp đồng thuê lại chiếc xe trên. Hợp đồng thuê xe có nội dung như sau: Thời gian thuê là 02 tháng kể từ ngày 18/02/2024 đến ngày 18/04/2024, giá thuê xe là 800.000 đồng/tháng, thời gian thanh toán tiền thuê xe là 30 ngày một lần. Bà O đã thanh toán số tiền thuê xe từ ngày 18/02/2024

đến ngày 18/04/2024 cho Công ty. Sau đó hết thời hạn thuê trong hợp đồng, bà O có nhu cầu muốn tiếp tục thuê chiếc xe nêu trên và đã liên hệ với Công ty để được tiếp tục thuê xe, nhưng vì bà O bận công việc làm ăn không thể đến ký Hợp đồng thuê xe mới với Công ty, nên phía bà O điện thoại liên hệ với Công ty thỏa thuận bằng miệng về việc cho bà được tiếp tục thuê xe và trả tiền thuê xe hàng tháng với giá là 800.000 đồng/tháng. Mặc dù hai bên không thỏa thuận về thời hạn thuê xe cụ thể, nhưng hai bên có thỏa thuận khi nào bà O không có nhu cầu thuê xe nữa thì phải trả lại chiếc xe cho Công ty. Bà O đã thanh toán cho Công ty số tiền thuê xe từ ngày 19/04/2024 đến ngày 19/07/2024. Tuy nhiên từ ngày 20/07/2024 đến nay, bà O không liên hệ với Công ty để thanh toán tiền thuê xe và cũng không trả lại chiếc xe cho Công ty nên phát sinh tranh chấp. Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2024, Công ty M yêu cầu bà Lê Thị Kiều O phải có nghĩa vụ trả lại cho Công ty TNHH M chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ nâu, số máy JF86E5122282, số khung 5831LZ415388, biển số 63B3-963.05 và số tiền thuê xe tạm tính từ ngày 20/07/2024 đến ngày 15/11/2024 là hơn 3 tháng nhưng tạm tính là 3 tháng x 800.000 đồng/tháng thành tiền là 2.400.000 đồng.

Trường hợp phía bà O không trả lại chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ nâu, số máy JF86E5122282, số khung 5831LZ415388, biển số 63B3-963.05 cho Công ty M, thì Công ty M yêu cầu bà O phải trả lại cho Công ty M số tiền mua xe là 10.000.000 đồng và số tiền thuê xe tạm tính từ ngày 20/07/2024 đến ngày 15/11/2024 là hơn 3 tháng nhưng tạm tính là 3 tháng x 800.000 đồng/tháng thành tiền là 2.400.000 đồng. Tổng số tiền tạm tính mà bà O phải trả cho Công ty chúng tôi là 12.400.000 đồng

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chấm dứt Hợp đồng thuê xe, yêu cầu bà O trả cho Công ty TNHH M 10.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh với mức lãi suất là 0,83%/tháng, thời gian tính từ ngày 20/7/2024 đến ngày 12/6/2025, số tiền là 893.633 đồng. Trả khi án có hiệu lực pháp luật. Công ty M sẽ trả lại bản chính giấy đăng ký xe sau khi bà O trả hết số tiền nêu trên.

* Bị đơn bà Lê Thị Kiều O vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Công ty TNHH M khởi kiện yêu cầu chấm dứt Hợp đồng thuê xe, yêu cầu bà Lê Thị Kiều O trả cho Công ty số tiền 10.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ. Do đó, Tòa án xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng thuê tài sản” theo quy định tại Điều 472 của Bộ luật dân sự. Bị đơn bà Lê Thị Kiều O có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty M, Tòa xét thấy:

[2.1] Căn cứ vào hợp đồng mua bán xe đề ngày 18/02/2024 mà nguyên đơn cung cấp thì bà O có nhận của Công ty M 10.000.000 đồng tiền bán xe mô tô biển số 63B3-963.05. Sau đó, bà O thuê lại chiếc xe trên của Công ty với giá thuê là 800.000 đồng/tháng, tiền thuê được các bên thỏa thuận là thanh toán 30 ngày/lần. Công ty M đã giao xe cho bà O quản lý, sử dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà O đã trả tiền thuê từ ngày 18/02/2024 đến 19/7/2024 thì ngưng không trả nữa. Công ty M đã yêu cầu bà O phải giao lại tài sản thuê là chiếc xe biển số 63B3-963.05 và thanh toán tiếp tiền thuê còn nợ nhưng bà O

không thực hiện nên nguyên đơn căn cứ vào Điều III.3.2 hợp đồng thuê xe đã ký kết yêu, cầu chấm dứt Hợp đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Công ty M đã nhiều lần yêu cầu bà O giao lại tài sản thuê nhưng bà không thực hiện. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà O trả lại giá trị chiếc xe mà bà đã nhận của Công ty số tiền 10.000.000 đồng. Xét thấy nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu; chiếc xe biển số 63B3-963.05 hiện nay đang được bị đơn quản lý, sử dụng, bà O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên căn cứ thỏa thuận giữa các bên tại Điều II.8, Điều III.2 của hợp đồng thuê xe yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bị đơn trả tiền thuê còn nợ, chỉ yêu cầu trả lãi chậm trả là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và có lợi cho bị đơn.

Từ 20/7/2024 đến ngày 12/6/2025 là 10 tháng 23 ngày. Số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là:

$10.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 10 \text{ tháng} = 830.000 \text{ đồng}.$

$10.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng}/30 \times 23 \text{ ngày} = 63.633 \text{ đồng}.$

Như vậy tổng số tiền mà Công ty M yêu cầu bà O trả là:

$10.000.000 \text{ đồng} + 830.000 \text{ đồng} + 63.633 \text{ đồng} = 10.893.633 \text{ đồng}.$

[3] Công ty M tự nguyện trả lại một bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy số 073742, biển số xe 63B3-963.05 cho bà O sau khi bà O trả hết số tiền còn nợ cho Công ty.

[4] Bị đơn bà O vắng mặt, không có ý kiến, yêu cầu cũng không đưa ra chứng cứ tài liệu gì nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì bà Lê Thị Kiều O phải chịu 544.682 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 472 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M. Buộc bà Lê Thị Kiều O trả cho Công ty TNHH M Phát 10.893.633 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Công ty TNHH M có nghĩa vụ trả cho bà O một bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy số 073742, biển số xe 63B3-963.05 cho bà O ngay khi bà O trả hết số tiền mà bà O có nghĩa vụ phải trả cho Công ty TNHH M.

Kể từ ngày Công ty TNHH M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Thị Kiều O chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Kiều O phải chịu 544.682 đồng án phí dân sự sơ thẩm. H1 lại cho Công ty TNHH M 310.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012171 ngày 02/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3. Công ty TNHH M có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Lê Thị Kiều O có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, Tiền Giang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Phạm Vân Trang